

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc
2. Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2021/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30-3-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 13, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1970; trú tại: Tổ 13, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Ông H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, Bà L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chung sống hạnh phúc bình thường đến thời gian gần đây thì bất đồng quan điểm sống, luôn xảy

ra mâu thuẫn do vợ ông Bà L ghen tuông vô cớ, khi ông không có gì nên sự bất hòa kéo dài đến nay thì không thể hàn gắn được. Trước đây 4 tháng Ông H đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa đã thụ lý giải quyết, Bà L xin đoàn tụ hứa khắc phục và làm cam kết nhưng khi về sống chung thì vẫn như vậy không thay đổi. Hiện ông không còn tình cảm, sống không hạnh phúc, không còn quan tâm lẫn nhau, nên ông xin ly hôn với Bà Lê Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 1997 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 2006, cháu G trưởng thành có cuộc sống riêng, cháu T còn đi học 02 con đang sống với mẹ. Con theo ai thì người đó nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại tòa án, bị đơn Bà Lê Thị L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của Ông H về thời gian chung sống và kết hôn. Riêng mâu thuẫn của vợ chồng là do Ông H có mối quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, ít về nhà, khi về thì kiếm chuyện gây gỗ đánh đập vợ con. Tình cảm vợ chồng trước giờ bà vẫn còn thương chồng, mong ông suy nghĩ lại về chung sống với gia đình lo các con, bên ngoài chỉ là chốc lát không phải tình cảm thật. Hiện bà vẫn thương chồng mong ông bỏ hết về nhà với vợ con. Bà không đồng ý ly hôn xin đoàn tụ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như Ông H trình bày. Bà xin đoàn tụ nên không yêu cầu giải quyết về con chung tài sản và nợ chung. Nếu Tòa cho ly hôn thì bà xin nuôi con chung là cháu T không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Ông Nguyễn Văn H đối với Bà Lê Thị L.

Về quan hệ con chung: Ông, bà chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 1997 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 2006, cháu G trưởng thành có cuộc sống riêng, cháu T còn đi học. Theo Ông H thì cháu T theo ai thì người đó nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con, Bà L đồng ý nuôi con chung là cháu T và không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con có sự đồng ý của cháu T nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, Ông H, Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà L vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, Bà L theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và Bà L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông, bà chung sống hạnh phúc bình thường đến thời gian gần đây thì bất đồng quan điểm sống, luôn xảy ra mâu thuẫn do vợ ông Bà L ghen tuông vô cớ, khi ông không có gì nên sự bất hòa kéo dài đến nay thì không thể hàn gắn được. Trước đây, Ông H cũng có nộp đơn xin ly hôn thì Bà L xin đoàn tụ hứa khắc phục nhưng khi về sống chung thì vẫn như vậy không thay đổi. Hiện ông không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, không hạnh phúc nên ông xin ly hôn với Bà Lê Thị L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống chung của Ông H và Bà L không còn sự hòa hợp, Ông H vẫn cương quyết giữ yêu cầu ly hôn. Hiện ông, bà đã sống ly thân gần một năm nay. Ông H đã nộp đơn đến tòa xin ly hôn do Bà L ghen tuông vô cớ, khó khăn với chồng con. Bà L cũng đã làm bản cam kết, năn nỉ đoàn tụ để vợ chồng cùng lo làm ăn nuôi các con. Tại bản cam kết (bút lục 31) Bà L đã hứa không gây khó khăn cho chồng con và không bê tha, cờ bạc gây nợ nần cho gia đình và ông đã rút đơn về chung sống. Nay bà L vẫn không thay đổi nên không thể hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, Ông H đã ra sống riêng một mình, không còn tình cảm gì với Bà L, cuộc

sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Ông H là có căn cứ chấp nhận.

Theo Bà L trình bày: Vợ chồng bà cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn, không trầm trọng để ly hôn, bà muốn níu kéo cuộc hôn nhân và xin đoàn tụ không đồng ý ly hôn, bà còn thương chồng nhưng bà không thuyết phục được Ông H về chung sống để vợ chồng đoàn tụ. Ông H vẫn kiên quyết ly hôn và sống ly thân với Bà L gần 6 tháng nay không cải thiện được chứng minh tình cảm của Ông H không còn với Bà L nên yêu cầu xin đoàn tụ của Bà L là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 1997 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 2006, cháu G trưởng thành có cuộc sống riêng, cháu T còn đi học. Theo Ông H thì cháu T theo ai thì người đó nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con, Bà L đồng ý nuôi con chung là cháu T và không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con có sự đồng ý của cháu T nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Văn H đối với Bà Lê Thị L. Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với Bà Lê Thị L.

2. Về con chung: Ông, bà thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 1997 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 2006. Cháu G trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Nguyễn Hoài T cho Bà L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận Bà L không yêu cầu Ông H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017042 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Ông H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cái Thị Minh Tâm